

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị
về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Nhằm quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW), Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động như sau:

I- QUAN ĐIỂM

- Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-TW đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức và quyết tâm hành động thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường, tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: Công nghiệp đóng tàu, công nghiệp điện, công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp chế biến nông, lâm sản thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng và một số ngành sản xuất công nghiệp khác phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương, đồng thời phát triển công nghiệp gắn với quốc phòng, an ninh. Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

- Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn phải được đầu tư sản xuất kinh doanh tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Tận dụng tối đa giá trị lợi thế, chính sách ưu đãi của Nhà nước để đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư các dự án lớn vào Khu kinh tế Vân Phong. Qua đó làm đòn bẩy phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ then chốt có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao của tỉnh.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, huy động mọi nguồn lực, tạo bước phát triển đột phá về cách thức tăng trưởng công nghiệp, trong đó trọng tâm là: khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng công nghiệp, đổi mới mô hình thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao, phát triển lực lượng lao động kỹ thuật có trình độ cao. Tập trung mạnh vào một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP của tỉnh chiếm khoảng 46 - 47%, trong đó tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 40%; tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 40%. Tỷ lệ sản phẩm công nghiệp chế tạo trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 45%

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân trên 8%/năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân trên 10%/năm.

- Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5%/năm.

- Xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và lấp đầy bình quân 60% diện tích đất công nghiệp đối với 04 khu công nghiệp và 12 Cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

- Thực hiện phân bố không gian phát triển công nghiệp theo 3 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, trong đó:

Khu kinh tế Vân Phong: Tập trung thu hút đầu tư một số dự án lớn như Trung tâm Điện lực Vân Phong, cảng biển; đóng tàu; lọc hóa dầu, công nghiệp nặng, điện mặt trời, công nghiệp hỗ trợ, vật liệu xây dựng,... xây dựng kết cấu hạ tầng và lấp đầy Khu công nghiệp Ninh Thủy, chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ cao tại khu vực Bắc Vân Phong.

Khu vực thành phố Nha Trang và vùng phụ cận: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao như điện tử, tin học, công nghệ vật liệu mới; các ngành công nghiệp ít ô nhiễm môi trường, di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi nội thành, nội thị; phát triển cơ sở công nghiệp nông thôn, sản phẩm công nghiệp phục vụ du lịch nhằm giải quyết lao động khu vực ngoại thành và lân cận. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và lấp đầy các Cụm công nghiệp lân cận thành phố Nha Trang như Cụm công nghiệp Diên Phú - VCN1,2; Cụm công nghiệp Sông Cầu, Cụm công nghiệp Diên Thọ.

Khu vực vịnh Cam Ranh: Tập trung phát triển phát triển công nghiệp đóng tàu, công nghiệp phụ trợ, điện mặt trời, chế biến nông sản thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp may mặc, giày da,... Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp, trong đó đạt khoảng 60% diện tích đất cho thuê đối với Khu công nghiệp Nam Cam Ranh và lấp đầy các cụm công nghiệp tại Cam Ranh, Cam Lâm như: Cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông, Cụm công nghiệp Trảng É 1,2,3, Cụm công nghiệp Tân Lập.

- Phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng cơ cấu phát triển công nghiệp theo chiều sâu. Chuyển dần các ngành công nghiệp chế biến thô, sử dụng nhiều lao động, sang các ngành công nghiệp chế biến tinh, tạo ra sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; chú trọng phát triển công nghiệp xanh nhằm tạo môi trường bền vững.

2. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

- Lựa chọn một số ngành công nghiệp để ưu tiên phát triển theo lợi thế của tỉnh. Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: Công nghiệp đóng tàu; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp điện, điện tử, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến sâu vật liệu xây dựng. Tiếp tục phát triển công nghiệp dệt may, da giày ưu tiên tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa.

- Giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông; công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học áp dụng trong công nghiệp.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp với từng giai đoạn cụ thể, trong đó chú trọng chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, chương trình đồng bộ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

3. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp

- Rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký mới, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giao đất, cho thuê đất. Thực hiện tốt cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” để giải quyết nhanh chóng, thuận tiện cho các nhà đầu tư.

- Cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn từ bên ngoài, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, có công nghệ cao

sản xuất sản phẩm và hàng hóa xuất khẩu. Tổ chức xúc tiến, kêu gọi thu hút các tập đoàn, tổng công ty lớn trong nước, các tập đoàn đa quốc gia của các nước Nhật Bản, Mỹ, EU, Hàn Quốc, Australia,... vào đầu tư tại Khánh Hòa.

- Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn vay từ Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh.

- Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng đối với các doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hướng dẫn và có các biện pháp hỗ trợ phù hợp để các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Tích cực tháo gỡ các rào cản, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại; xây dựng và thực thi Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và của tỉnh đối với các sản phẩm công nghiệp.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ về phát triển khu, cụm công nghiệp nhằm khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ phát triển cơ sở công nghiệp nông thôn thông qua hoạt động khuyến công góp phần giải quyết việc làm tăng thu nhập cho người lao động tại địa bàn nông thôn.

4. Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp

- Đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 17/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII để phát triển các doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế. Hình thành và phát triển hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp.

- Đổi mới và đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào công nghiệp, nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Chuyển mạnh chính sách thu hút FDI trong lĩnh vực công nghiệp từ số lượng sang chất lượng và có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ "cao, mới, sạch, tiết kiệm", sử dụng nhiều nguyên liệu, linh phụ kiện sản xuất trong nước, có tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ trong nước cao, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ.

5. Phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 với mục tiêu đến năm 2020 cơ bản đáp ứng đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước, nước ngoài để xây dựng đội ngũ lao động của tỉnh có chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp thu và làm chủ công nghệ mới, hiện đại.

- Khuyến khích doanh nghiệp tổ chức đào tạo, đào tạo lại nhân lực bằng các hình thức nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí.

- Nâng cấp các cơ sở đào tạo lao động trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại hoá và chuyên môn hoá.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên, tập trung phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, doanh nhân, lao động có tay nghề cao. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

6. Chính sách phát triển về khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gắn với thị trường; khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp công nghiệp đặt hàng với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp công nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn đầu tư để có điều kiện đổi mới công nghệ, trang bị công nghệ hiện đại; ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm mang tính cạnh tranh cao của Khánh Hòa.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình như: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến 2020, chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng hàng hóa sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến 2020; Đề án ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương

sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến 2025, tầm nhìn đến 2030.

- Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh, xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng và là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán chuyển giao các sản phẩm công nghệ.

- Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp, tranh thủ công nghệ tiên tiến, tận dụng tối đa lợi thế lao động của địa phương và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ thiết bị công nghệ công nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Khuyến khích hỗ trợ và chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn quốc tế: ISO, HACCP, TQM, tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội SA 8000... thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn mác sản phẩm và quyền sở hữu công nghiệp phục vụ cho quá trình hội nhập.

7. Chính sách về quản lý

- Tăng cường sự quan tâm và chỉ đạo của tỉnh đối với phát triển sản xuất công nghiệp. Nâng cao vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện cải cách hành chính theo hướng hỗ trợ mạnh mẽ cho doanh nghiệp như: Tập trung giải quyết tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo lập môi trường bình đẳng, thông thoáng cho hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm, quyền sở hữu công nghiệp, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của các doanh nghiệp, tạo sự công bằng, thu hút được các nhà đầu tư, sản xuất kinh doanh chân chính và phát triển theo quy hoạch.

- Tập trung tổ chức, triển khai công tác quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh là cơ sở quan trọng cho mọi cấp, ngành, doanh nghiệp định hướng phát triển, lựa chọn dự án đầu tư sản xuất và xây dựng kế hoạch phát triển cụ thể hàng năm.

- Thường xuyên giám sát, đôn đốc các đơn vị đang thực hiện đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp thực hiện đúng tiến độ đã đề ra, nhất là trong lĩnh vực đầu tư các công trình trọng điểm.

8. Chính sách hợp tác liên kết vùng và phối hợp phát triển

- Phát huy lợi thế của tỉnh về vị trí địa lý và tiềm năng để thúc đẩy công nghiệp phát triển. Phối hợp chặt chẽ, tận dụng tối đa lợi thế về liên kết vùng,

liên kết tỉnh, thành phố để đẩy nhanh phát triển công nghiệp của tỉnh làm động lực thúc đẩy sự phát triển chung của vùng và cả nước. Đồng thời chủ động hợp tác xây dựng và triển khai những chương trình phát triển công nghiệp công nghệ cao thích hợp cho tỉnh, vùng như: Công nghiệp phần mềm, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến thực phẩm chất lượng cao, ...

- Triển khai thực hiện có hiệu quả việc liên kết phát triển 7 tỉnh duyên hải miền Trung gồm: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa, thống nhất về sự cần thiết xây dựng, thực thi các chính sách và cơ chế liên kết phát triển chung của cả Vùng, bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững. Liên kết hợp tác với các tỉnh phía Nam có điều kiện phát triển công nghiệp nhằm thu hút nguồn lực của các nhà đầu tư cho tỉnh Khánh Hòa. Liên kết hợp tác với Phú Yên và Ninh Thuận nhằm hỗ trợ nhau trong phát triển công nghiệp.

9. Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững.

- Khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường, không đánh đổi môi trường với tăng trưởng công nghiệp. Quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở công nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

- Đối với các khu, cụm công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công nghệ tiên tiến, hiện đại. Thường xuyên giám sát môi trường đối với các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, đồng thời xử lý kịp thời đối với các doanh nghiệp vi phạm về môi trường.

- Xây dựng kế hoạch di dời các doanh nghiệp công nghiệp gây ô nhiễm môi trường đang sản xuất xen lẫn trong các khu dân cư tập trung ra các khu, cụm công nghiệp tập trung, đồng thời xây dựng cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp khi di dời địa điểm sản xuất.

10. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng và chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp

hóa, hiện đại hoá đất nước. Xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng cấp, từng ngành.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện cơ cấu lại hệ thống quản lý công nghiệp, có phân công, phân cấp rõ ràng.

- Mở rộng sự tham gia thiết thực, có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách công nghiệp.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, các ngành, các địa phương có trách nhiệm phổ biến, quán triệt Nghị quyết 23-NQ/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy, tình hình thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và nhiệm kỳ.

3. Đảng đoàn HĐND tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

4. Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch, cụ thể hoá về mặt quản lý nhà nước để triển khai thực hiện Chương trình hành động này; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo kịp thời nhằm thực hiện tốt Chương trình hành động đã đề ra.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng Chính phủ,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các huyện, thành, thị ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan tham mưu TU, BCS đảng, đảng đoàn, sở, ban, ngành,
- Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Đã ký **Lê Thanh Quang**